

Bản án số 16/2025/HSST
Ngày 25 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Thiện Thành

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu và bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Hồng Mơ - là thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2025/HSST ngày 11/9/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

Phùng Đình M (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1975; tại xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ (Nay là xã Ý, tỉnh N); Nơi cư trú thôn Tu C, xã Y, huyện Ý, Đ (Nay là thôn Tu C, xã Ý, tỉnh N); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Đình C và bà Trịnh Thị T (Đều đã chết); có 02 vợ, đều đã ly hôn; và có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 131/2013/HSST ngày 26/9/2013, của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất Ma túy”;

Bản án Hình sự sơ thẩm số 63/2016/HSST ngày 21/9/2016, của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Quyết định số 04/XLHC ngày 08/12/2012, Công an thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt 500.000đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/6/2025 tới nay, tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Ninh Bình. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:**

Ông **Phạm Hiền L**, sinh năm 1961; nơi cư trú thôn 6, xã Gia T, huyện Gia V, tỉnh ; (Nay là thôn 6, xã Gia T, tỉnh N). Có mặt tại phiên tòa;

Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1979; nơi cư trú xóm Đầm B, xã Đoàn K, huyện Yên T, tỉnh B; (Nay là xóm Đầm B, xã Y, tỉnh P). Vắng mặt tại phiên tòa;

Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1983; nơi cư trú xóm P, xã Đoàn K, huyện Yên T, tỉnh B; (Nay là xóm Phú V, xã Yên T, tỉnh P). Vắng mặt tại phiên tòa;

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Đình Thế K**, sinh năm 2006; nơi cư trú thôn Hoàng L, xã Gia T, tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa;

Ông **Lương Văn S**, sinh năm 1976; nơi cư trú phố B, xã Q, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1981; nơi cư trú thôn 3, xã V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Bà **Đình Thị B**, sinh năm 1970; nơi cư trú thôn H, xã Gia T, tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa;

Bà **Đình Thị L**, sinh năm 1968; nơi cư trú thôn K, xã Gia T, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

*** Người làm chứng:**

Anh **Trịnh Văn T**, anh **Trần Anh V**; (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 00 ngày 07/5/2025, Phùng Đình M đi bộ quan sát bên trong Trạm thuế khu vực Gián K, xã Gia T, tỉnh Ninh B thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ biển kiểm soát 29Z9-*** của ông Phạm Hiền L để trong sân khu vực trạm thuế. Lúc này, M nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, M trèo tường vào bên trong trạm thuế lấy 01 thanh sắt (*Thanh sắt tròn dài khoảng 70cm được hàn ghép 02 đoạn sắt lại với nhau*) rồi trèo tường ra ngoài dùng thanh sắt bẻ khoá cổng trạm thuế. M đi vào phía sau tìm được 01 chiếc chìa khoá bằng kim loại đã bị rỉ sét, M dùng chìa khoá trên mở khoá xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ biển kiểm soát 29Z9-*** rồi điều khiển xe cất giấu ở gầm cầu G thuộc khu vực thôn 1 xã Gia T; M đi bộ quay lại vào bên trong phòng làm việc lấy và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Warova, biển kiểm soát 35N9-*** của anh Bùi Văn L theo hướng G - Q, thì gặp anh Đình Thế K đang đi bộ từ thành phố N về nhà ở thôn H, xã Gia T. M nhờ anh K điều khiển xe mô tô này về thôn Kiến P, xã Gia T. Anh K đã điều khiển xe đi về, còn M quay lại khu vực Trạm Thuế lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lifan màu nâu biển kiểm soát 28F7-*** của ông Bùi Văn H, rồi điều khiển xe mô tô cùng K về nhà bà Đình Thị L, cư trú tại thôn Kiến P, xã Gia T (*là người quen của M*). Do nhà bà L đóng cửa nên M và K đi về nhà anh K ở xã Gia T. Khi đến nhà K, M gặp bà Đình Thị B (*là mẹ đẻ của K*) M gửi chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28F7-*** ở nhà bà B. Sau đó, M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N9-*** về cất giấu ở gầm cầu Gi. Sáng ngày 09/5/2025, M bán xe mô tô biển kiểm soát 28F7-*** cho chị H với giá 500.000 đồng; bán xe mô tô biển kiểm soát 35N9-*** cho một người phụ nữ không quen biết (*không xác định được tên, tuổi địa chỉ*) với giá 500.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ ngày 10/5/2025, M bán xe mô tô biển kiểm soát 29Z9-*** cho anh

Lương Văn S cư trú tại phố b, thị trấn Q, huyện Q với giá 900.000 đồng. Số tiền trên M đã tiêu sài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ, đen, xám, biển kiểm soát 29Z9-4***, đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan màu nâu biển kiểm soát 28F7-***, đã qua sử dụng, 01 thanh sắt tròn dài khoảng 70 cm được hàn ghép 02 đoạn sắt lại với nhau, 01 ổ khoá nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen và 01 ổ khoá nhãn hiệu Việt Tiệp màu vàng, đều vỡ ở phần cắm tai móc khoá.

Tại kết luận định giá tài sản số 11/KLĐG-HĐ ngày 13/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ, đen, xám, biển kiểm soát 29Z9-***, đã qua sử dụng. Giá trị là 1.800.000 đồng.

01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan màu nâu biển kiểm soát 28F7-***, đã qua sử dụng. Giá trị là 900.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 03/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Warova, màu sơn xanh, biển số 35N9-***, trị giá 833.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS-KV3 ngày 11/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - N đã truy tố **Phùng Đình M** ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 - N để xét xử về tội “**Trộm cắp tài sản**”, theo khoản 1 và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - N thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Phùng Đình M** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Đình M từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2025.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Phùng Đình M phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Bùi Văn L số tiền 833.000 đồng.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Phùng Đình M số tiền 1.900.000 đồng, là tiền do phạm tội mà có;

Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Đình M phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Đình M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đã bán 03 chiếc xe mô tô được số

tiền 1.900.000 đồng. Sau đó tiêu sài cá nhân hết. Do vậy, chưa bồi thường cho các bị hại.

Bị hại là ông Phạm Hiền L và ông Bùi Văn H trong quá trình điều tra xác nhận những tài sản mà bị cáo chiếm đoạt; ông L đã nhận lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 29Z9-4***; ông H đã nhận lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lifan màu nâu biển kiểm soát 28F7-***. Do vậy, ông L và ông H không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Bị hại là anh Bùi Văn L trong quá trình điều tra xác nhận những tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Warova màu xanh, biển kiểm soát 35N9-*** đã qua sử dụng. Anh L yêu cầu bị cáo M phải bồi thường số tiền 833.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lương Văn Sỹ trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 10/5/2025, ông có mua của Phùng Đình M 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ biển kiểm soát 29Z9-*** với giá 900.000 đồng.

Bà Trần Thị H trình bày: Ngày 09/5/2025, bà Huệ có mua của Phùng Đình M 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan màu nâu biển kiểm soát 28F7-*** với giá 500.000 đồng. Sau khi vụ án xảy ra ông Sỹ, bà H mới biết. Do vậy, ông S, bà H không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị L và anh Đinh Thế K đều trình bày: Anh Đinh Thế K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Warova biển kiểm soát 35N9-*** về nhà mình; bà Đinh Thị B và Đinh Thị L cho M gửi nhờ xe mô tô biển kiểm soát 28F7-*** ở nhà, nhưng không biết là tài sản do M trộm cắp mà có.

Lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Phùng Đình M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – N đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của

bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 07/5/2025, tại trạm thuế khu vực G, có trụ sở tại thôn 6 xã Gia T, tỉnh N, bị cáo Phùng Đình M đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ biển kiểm soát 29Z9-*** của ông Phạm Hiền L; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan màu nâu biển kiểm soát 28F7-*** của anh Bùi Văn H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Warova màu xanh biển kiểm soát 35N9-*** của anh Bùi Văn L. Tổng giá trị tài sản là 3.533.000 đồng.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[3]. Hành vi của bị cáo Phùng Đình M đã nêu trên là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an, gây nổi hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện, mà lại đi trộm cắp kiếm tiền bất chính. Căn cứ tính chất tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn, thì hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7]. Về nhân thân: Bị cáo Phùng Đình M từng bị kết án, nhưng đã được đương nhiên xóa án tích, nên được coi như chưa bị kết án và từng bị xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên một năm, nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính và được coi như chưa bị kết án theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự.

[8]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo Phùng Đình M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, t□ong xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh, gia đình của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Phạm Hiền L và ông Bùi Văn H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lương Văn S và bà Trần Thị H không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Bị hại anh Bùi Văn L yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền 833.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 03/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự kết luận: *01 xe mô tô nhãn hiệu Warova, màu sơn xanh, biển số 35N9-*** trị giá 833.000 đồng.* Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của anh Bùi Văn L.

[11]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo M có được do bán các xe mô tô do bị cáo trộm cắp. Sau đó tiêu sài cá nhân hết. Vì vậy, cần truy thu của M để sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ, đen, xám, biển kiểm soát 29Z9-***; 01 Thanh sắt tròn dài khoảng 70cm được hàn ghép 02 đoạn sắt lại với nhau và 01 ổ khoá nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen, 01 ổ khoá nhãn hiệu Việt Tiệp màu vàng, đều vỡ ở phần cắm tai móc khoá. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, là tài sản hợp pháp của ông Phạm Hiền L. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã trả lại cho ông L là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Lifan màu nâu biển kiểm soát 28F7-***. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, là tài sản hợp pháp của ông

Bùi Văn H. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã trả lại cho ông H là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Warova màu xanh biển kiểm soát 35N9-*** của anh Bùi Văn L. Sau khi trộm cắp được, M đã bán cho một người phụ nữ không quen biết (*không xác định được tên, địa chỉ*), do đó không có căn cứ để xử lý.

Đối với bà Trần Thị H, ông Lương Văn S, khi mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lifan biển kiểm soát 28F7*** và xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 29Z9-*** của Phùng Đình M, bà H, ông S đều không biết đó là tài sản do M trộm cắp mà có. Vì vậy, không có đủ căn cứ xử lý đối với bà H và anh S.

Đối với anh Đinh Thế K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Warova biển kiểm soát 35N9-*** về nhà mình; bà Đinh Thị B, Đinh Thị L cho M gửi nhờ xe mô tô nhãn hiệu Lifan ở nhà nhưng không biết là tài sản do M trộm cắp mà có. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với anh K, bà B và bà L.

Đối với người phụ nữ đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Warova màu xanh biển kiểm soát 35N9-***, của Phùng Đình M, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã rà soát, xác minh nhưng không xác định được. Do đó, không có căn cứ để xử lý.

[12]. **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phùng Đình M** phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Phùng Đình M** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/6/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo **Phùng Đình M** phải có trách nhiệm bồi thường cho anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1983; nơi cư trú xóm Phủ Vệ, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình; (Nay là xóm P, xã Y, tỉnh P) số tiền 833.000 đồng.

Kể từ ngày anh Bùi Văn L có đơn yêu cầu thi hành án mà Phùng Đình M không thi hành khoản tiền phải thanh toán thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo **Phùng Đình M** số tiền 1.900.000 đồng, là tiền do phạm tội mà có;

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Phùng Đình M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - Phòng PC03, PC10 CA tỉnh N;
 - VKSND khu vực 3 – N;
 - Sở tư pháp tỉnh N;
 - Trại tạm giam số 1 CA tỉnh N;
 - THA.DS tỉnh N;
 - Bị cáo; bị hại; Ng- ời có QLNVLQ;
 - L- u hồ sơ, văn phòng;
- (Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thiện Thành